

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
HÀNG KHÔNG CAM RANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Hồ Minh Tiến	Chủ tịch	
Ông Lê Văn Lân	Thành viên	
Ông Đống Lương Sơn	Thành viên	
Ông Lương Văn Thành	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2013
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2013
Bà Phan Cẩm Tú	Thành viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Cao Thị Anh Thư	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Lân	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)**

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,

---

**Hồ Minh Tiến**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
*Khánh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014*

Số. /2014/UHYHCM-BCKTĐL

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 10/2/2014, trình bày từ trang 06 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)**

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
1496-2013-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2014*

---

**Đặng Thị Minh Nguyệt**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số  
2614-2013-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2013 VND	Tại 01/01/2013 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.596.069.213</b>	<b>4.274.561.116</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>12.262.856.784</b>	<b>2.461.542.334</b>
Tiền	111		7.762.856.784	1.961.542.334
Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.881.323.101</b>	<b>877.162.800</b>
Phải thu khách hàng	131	5	944.846.401	699.317.000
Trả trước cho người bán	132	6	-	9.500.000
Các khoản phải thu khác	135	7	936.476.700	168.345.800
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.663.584.299</b>	<b>810.727.218</b>
Hàng tồn kho	141	8	8.663.584.299	810.727.218
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>788.305.029</b>	<b>125.128.764</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		472.635.579	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		315.669.450	119.128.764
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	6.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.853.047.817</b>	<b>17.959.291.798</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.853.047.817</b>	<b>17.787.114.426</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	17.681.547.817	17.785.828.722
- Nguyên giá	222		34.691.585.863	28.081.871.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.010.038.046)	(10.296.042.681)
Tài sản cố định vô hình	227	9	171.500.000	1.285.704
- Nguyên giá	228		176.400.000	20.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.900.000)	(18.714.296)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>172.177.372</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	172.177.372
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>41.449.117.030</b>	<b>22.233.852.914</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại ngày 31/12/2013*

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Tại 31/12/2013 VND</b>	<b>Tại 01/01/2013 VND</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.518.807.575</b>	<b>6.285.914.949</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.478.807.575</b>	<b>5.050.204.726</b>
Phải trả người bán	312	11	16.829.733.264	2.535.991.756
Người mua trả tiền trước	313	12	2.220.000	2.640.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	-	342.622.154
Phải trả người lao động	315		4.019.748.531	1.641.552.453
Chi phí phải trả	316	14	67.703.451	43.772.727
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	286.420.708	310.771.371
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		272.981.621	172.854.265
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.040.000.000</b>	<b>1.235.710.223</b>
Phải trả dài hạn khác	333	16	1.040.000.000	1.008.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	227.710.223
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>18.930.309.455</b>	<b>15.947.937.965</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>18.930.309.455</b>	<b>15.947.937.965</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		95.000.000	95.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	417		676.227.110	288.135.624
Quỹ dự phòng tài chính	418		483.019.365	205.811.160
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.259.168.869	4.942.097.070
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>41.449.117.030</b>	<b>22.233.852.914</b>

**Hồ Minh Tiến**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Khánh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**Lê Văn Lân**  
Giám đốc

**Đỗ Hữu Ánh Liên**  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>97.447.246.696</b>	<b>60.935.197.479</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>97.447.246.696</b>	<b>60.935.197.479</b>
Giá vốn hàng bán	11	19	75.222.897.975	44.919.547.985
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>22.224.348.721</b>	<b>16.015.649.494</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	366.023.797	181.423.014
Chi phí tài chính	22	21	25.341.353	129.158.706
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	128.808.246
Chi phí bán hàng	24	22	6.925.442.734	4.671.412.110
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	6.594.438.971	4.159.480.381
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>9.045.149.460</b>	<b>7.237.021.311</b>
Thu nhập khác	31	24	273.667.637	28.469.145
Chi phí khác	32		2.400.000	3.495.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>271.267.637</b>	<b>24.974.145</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>9.316.417.097</b>	<b>7.261.995.456</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.160.926.902	1.462.631.364
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	172.177.372	(172.177.372)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.983.312.823</b>	<b>5.971.541.464</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	6.983	5.972

**Hồ Minh Tiến**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Khánh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**Lê Văn Lân**  
Giám đốc

**Đỗ Hữu Ánh Liên**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		104.126.615.441	66.704.461.665
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(55.577.882.970)	(34.400.943.785)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(17.928.071.400)	(14.451.377.420)
Tiền chi trả lãi vay	4		-	(128.808.246)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(2.064.452.088)	(2.972.234.531)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		940.636.789	713.550.055
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.933.279.311)	(8.696.762.661)
	<b>20</b>		<b>20.563.566.461</b>	<b>6.767.885.077</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.266.351.000)	(6.227.697.858)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		306.938.971	181.423.014
	<b>30</b>		<b>(6.959.412.029)</b>	<b>(6.046.274.844)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	3.205.645.171
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3.205.645.171)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.785.748.200)	(1.503.450.000)
	<b>40</b>		<b>(3.785.748.200)</b>	<b>(1.503.450.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>9.818.406.232</b>	<b>(781.839.767)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>2.461.542.334</b>	<b>3.243.382.101</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(17.091.782)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>12.262.856.784</b>	<b>2.461.542.334</b>

**Hồ Minh Tiến**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Khánh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**Lê Văn Lân**  
Giám đốc

**Đỗ Hữu Ánh Liên**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 12/07/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, được góp vốn bởi các cổ đông sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh	
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	5.100.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	1.000.000.000	10,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	3.900.000.000	39,00%
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Nha Trang, số 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt và taxi. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh ăn uống giải khát;
- Bán hàng lưu niệm; quảng cáo
- Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ làm thủ tục đăng ký chuyển bay cho hành khách, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh tour du lịch nội địa và quốc tế, đại lý lữ hành;
- Gia công cơ khí;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được lập trên cơ sở Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/03/2006 về việc “Ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp” và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2009 về việc “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp”), và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Công ty đang áp dụng là hình thức nhật ký chung

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản có hiệu lực thi hành từ ngày 10/06/2013.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.4 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

Trong năm 2013, đơn vị tiến hành phân bổ khấu hao nhanh đối với Phương tiện vận tải.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

**3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**3.7 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu tài chính:*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**3.8 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.9 NGOẠI TỆ**

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

**3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	182.026.824	255.241.298
Tiền gửi ngân hàng	7.580.829.960	1.706.301.036
Các khoản tương đương tiền (*)	4.500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.262.856.784</b>	<b>2.461.542.334</b>

(\*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	381.019.000	318.808.000
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh-Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	463.056.000	365.099.000
Khác	100.771.401	15.410.000
<b>Cộng</b>	<b>944.846.401</b>	<b>699.317.000</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Tin học TH Nha Trang	-	9.500.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9.500.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tài xế taxi	171.476.700	168.345.800
Phải thu khác	765.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>936.476.700</b>	<b>168.345.800</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	204.229.094	133.590.664
Công cụ, dụng cụ	41.304.473	28.403.917
Hàng hoá	8.418.050.732	648.732.637
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>8.663.584.299</b>	<b>810.727.218</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Là phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>1.612.135.049</b>	<b>405.313.060</b>	<b>25.742.154.119</b>	<b>322.269.175</b>	<b>28.081.871.403</b>
- Mua trong năm	-	223.355.455	-	43.181.818	266.537.273
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	6.525.887.270	-	6.525.887.270
- Giảm khác (*)	-	(13.800.000)	-	(168.910.083)	(182.710.083)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>1.612.135.049</b>	<b>614.868.515</b>	<b>32.268.041.389</b>	<b>196.540.910</b>	<b>34.691.585.863</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>300.891.200</b>	<b>391.513.060</b>	<b>9.400.597.968</b>	<b>203.040.453</b>	<b>10.296.042.681</b>
- Khấu hao trong năm	107.770.948	32.541.920	6.627.234.456	67.755.396	6.835.302.720
- Giảm khác (*)	-	(2.239.788)	-	(119.067.567)	(121.307.355)
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>408.662.148</b>	<b>421.815.192</b>	<b>16.027.832.424</b>	<b>151.728.282</b>	<b>17.010.038.046</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
<b>Tại 01/01/2013</b>	<b>1.311.243.849</b>	<b>13.800.000</b>	<b>16.341.556.151</b>	<b>119.228.722</b>	<b>17.785.828.722</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>1.203.472.901</b>	<b>193.053.323</b>	<b>16.240.208.965</b>	<b>44.812.628</b>	<b>17.681.547.817</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 422.240.333 VND

(\*): Giảm nguyên giá và giá trị còn lại của những tài sản không đủ điều kiện ghi nhận theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	741.329.652	457.766.476
Công ty TNHH Thanh Hoa	260.174.800	162.621.400
Nguyễn Tấn Quảng	335.993.481	219.844.500
Công ty Xăng dầu Quân đội Khu vực 3	84.733.000	141.688.800
DNTN Sao Mai Em	51.041.800	72.847.700
Phan Chí Thành	66.420.000	58.500.000
CT TNHH Nhà Nước MTV Yên Sào Khánh Hòa	24.160.192	59.346.595
Nguyễn Thị Hữu Tuyết	84.950.200	57.998.000
Nguyễn Thị Hồng Thắm	168.780.800	122.457.400
Nguyễn Văn Quyền	77.688.500	86.298.500
Công Ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	32.240.000	95.052.000
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	10.172.000	75.605.000
Doanh nghiệp Tư Nhân Thương Mại Letimo	70.556.772	73.625.530
Công ty TNHH MTV Thương mại rượu Hà Nội	4.773.010	14.166.240
Công ty CP Kỹ Thuật Viễn Thông Hoàng Gia	170.093.000	24.373.250
IPP GROUP (S) PTE.LTD	13.402.550.092	-
Các đối tượng khác	1.244.075.965	813.800.365
<b>Cộng</b>	<b>16.829.733.264</b>	<b>2.535.991.756</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

Là khoản ứng trước của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch và Sự kiện Phương Đông.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	-	324.860.502
Thuế thu nhập cá nhân	-	17.761.652
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>342.622.154</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước phí kiểm toán	27.272.727	27.272.727
Trích trước chi phí quản lý công ty đại chúng 2013	10.000.000	10.000.000
Trích trước tiền điện thoại	12.248.906	6.500.000
Trích trước tiền an ninh soi chiếu năm 2013	18.181.818	-
<b>Cộng</b>	<b>67.703.451</b>	<b>43.772.727</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	29.086.526	259.354.669
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.900.000	14.700.000
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	27.600.000	12.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	216.834.182	24.716.702
<b>Cộng</b>	<b>286.420.708</b>	<b>310.771.371</b>

**16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của người lao động là tài xế lái xe taxi.

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

<b>Chủ sở hữu</b>	<b>Theo đăng ký kinh doanh</b>		<b>Đã góp đến 31/12/2013</b>
	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tỷ lệ</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam	5.100.000.000	51,00%	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn - Nha Trang	1.000.000.000	10,00%	1.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	3.900.000.000	39,00%	3.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>10.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.2 CỔ PHIẾU**

	<b>Tại 31/12/2013</b>	<b>Tại 01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**17.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>416.894.111</b>	-	-	<b>2.384.811.407</b>	<b>12.896.705.518</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	5.971.541.463	5.971.541.463
- Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(1.355.000.000)	(1.355.000.000)
- Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(975.000.000)	(975.000.000)
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	288.135.624	205.811.160	(493.946.784)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(411.622.320)	(411.622.320)
- Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	(123.486.696)	(123.486.696)
- Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(55.200.000)	(55.200.000)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>416.894.111</b>	<b>288.135.624</b>	<b>205.811.160</b>	<b>4.942.097.070</b>	<b>15.947.937.965</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>416.894.111</b>	<b>288.135.624</b>	<b>205.811.160</b>	<b>4.942.097.070</b>	<b>15.947.937.965</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	6.983.312.823	6.983.312.823
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	388.091.486	277.208.205	(665.299.691)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(554.416.410)	(554.416.410)
- Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	(166.324.923)	(166.324.923)
- Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát (*)	-	-	-	-	-	(55.200.000)	(55.200.000)
- Tiền thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
- Chia Cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(3.025.000.000)	(3.025.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>95.000.000</b>	<b>416.894.111</b>	<b>676.227.110</b>	<b>483.019.365</b>	<b>7.259.168.869</b>	<b>18.930.309.455</b>

(\*): Căn cứ trên Biên bản họp Cổ đông sáng lập ngày 22/12/2008.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>97.447.246.696</b>	<b>60.935.197.479</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ taxi	23.293.013.967	23.062.951.915
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng	13.742.729.085	10.801.838.450
+ Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	27.206.600.562	21.395.106.228
+ Doanh thu dịch vụ phòng VIP	4.187.854.542	3.651.409.066
+ Doanh thu bus	2.567.374.983	2.023.891.820
+ Doanh thu hàng miễn Thuế	25.287.151.016	-
+ Doanh thu vệ sinh	1.085.454.541	-
+ Doanh thu khác	77.068.000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>97.447.246.696</b>	<b>60.935.197.479</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ taxi	23.293.013.967	23.062.951.915
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng	13.742.729.085	10.801.838.450
+ Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	27.206.600.562	21.395.106.228
+ Doanh thu dịch vụ phòng VIP	4.187.854.542	3.651.409.066
+ Doanh thu bus	2.567.374.983	2.023.891.820
+ Doanh thu hàng miễn Thuế	25.287.151.016	-
+ Doanh thu vệ sinh	1.085.454.541	-
+ Doanh thu khác	77.068.000	-

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	22.630.730.557	19.517.425.312
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	12.194.010.079	9.618.177.645
Giá vốn bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	14.734.163.672	11.837.349.481
Giá vốn dịch vụ phòng VIP	2.852.128.219	2.215.567.662
Giá vốn dịch vụ bus	2.566.549.907	1.731.027.885
Giá vốn hàng Miễn thuế	18.957.344.928	-
Giá vốn vệ sinh	1.231.328.233	-
Khác	56.642.380	-
<b>Cộng</b>	<b>75.222.897.975</b>	<b>44.919.547.985</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	306.938.971	173.604.104
Hoa hồng đại lý thu đổi ngoại tệ	59.084.826	7.818.910
<b>Cộng</b>	<b>366.023.797</b>	<b>181.423.014</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	-	128.808.246
Lỗ do bán ngoại tệ	25.341.353	350.460
<b>Cộng</b>	<b>25.341.353</b>	<b>129.158.706</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	3.543.098.108	2.704.205.148
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	245.801.430	366.198.452
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.777.272	40.877.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.558.993.324	1.018.297.236
Chi phí bằng tiền khác	531.772.600	541.834.000
<b>Cộng</b>	<b>6.925.442.734</b>	<b>4.671.412.110</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	5.363.653.240	3.214.173.946
Chi phí đồ dùng văn phòng	180.389.867	157.517.831
Chi phí khấu hao TSCĐ	30.097.736	31.678.485
Thuế, phí và lệ phí	223.374.072	36.098.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.509.082	141.911.469
Chi phí bằng tiền khác	650.414.974	578.100.095
<b>Cộng</b>	<b>6.594.438.971</b>	<b>4.159.480.381</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tiền phạt vi phạm quy chế	27.800.000	18.574.000
Tiền bồi thường	390.000	1.395.000
Thu nhập khác	245.477.637	8.500.145
<b>Cộng</b>	<b>273.667.637</b>	<b>28.469.145</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.316.417.097</b>	<b>7.261.995.456</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>(672.709.489)</b>	<b>705.209.489</b>
- Chi phí tài trợ chương trình giao lưu nghệ thuật	11.000.000	16.500.000
- Chi vi phạm an toàn giao thông	5.000.000	-
- Chi phí phân bổ vượt năm 2012	-	688.709.489
- Hoàn chi phí phân bổ vượt năm 2012	(688.709.489)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.643.707.608</b>	<b>7.967.204.945</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành</b>	<b>2.160.926.902</b>	<b>1.991.801.236</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% trong năm theo thông tư 140/2012/TT-BTC</i>	-	(529.169.872)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau miễn giảm</b>	<b>2.160.926.902</b>	<b>1.462.631.364</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>172.177.372</b>	<b>(172.177.372)</b>
Ảnh hưởng từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	172.177.372	(172.177.372)
<b>Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.333.104.274</b>	<b>1.290.453.992</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>6.983.312.823</b>	<b>5.971.541.464</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>6.983.312.823</b>	<b>5.971.541.464</b>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.983</b>	<b>5.972</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27. THÔNG TIN KHÁC**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>4.105.282.280</b>	<b>2.868.708.182</b>
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	4.105.282.280	2.868.708.182
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>11.444.550.901</b>	<b>4.045.793.063</b>
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	6.434.299.151	4.003.398.517
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	90.251.750	42.394.545
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không miền Nam	4.920.000.000	-
<b>Cổ tức đã trả cho các bên liên quan</b>	<b>2.040.000.000</b>	<b>1.911.050.000</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	2.040.000.000	1.711.050.000
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	-	200.000.000

**Số dư với các bên liên quan**

	Tại 31/12/2013 VND	Tại 31/12/2012 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>463.056.000</b>	<b>365.099.000</b>
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	463.056.000	365.099.000
<b>Phải trả cho người bán</b>	<b>751.829.652</b>	<b>493.766.476</b>
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	741.329.652	457.766.476
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	10.500.000	-
- Công ty CP TM Hàng không Miền Nam	-	36.000.000
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>765.000.000</b>	<b>-</b>
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	765.000.000	-

**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: lĩnh vực taxi, dịch vụ nhà hàng, kinh doanh bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ, dịch vụ phòng VIP và dịch vụ chở khách bằng xe bus.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Năm 2013	Dịch vụ taxi	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP	Dịch vụ bus	Doanh thu hàng Miễn thuế	Doanh thu khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	23.293.013.967	13.742.729.085	27.206.600.562	4.187.854.542	2.567.374.983	25.287.151.016	1.162.522.541	97.447.246.696
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23.293.013.967</b>	<b>13.742.729.085</b>	<b>27.206.600.562</b>	<b>4.187.854.542</b>	<b>2.567.374.983</b>	<b>25.287.151.016</b>	<b>1.162.522.541</b>	<b>97.447.246.696</b>
Chi phí bộ phận	22.630.730.557	12.194.010.079	14.734.163.672	2.852.128.219	2.566.549.907	18.957.344.928	1.287.970.613	75.222.897.975
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	662.283.410	1.548.719.006	12.472.436.890	1.335.726.323	825.076	6.329.806.088	(125.448.072)	22.224.348.721
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(13.519.881.705)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								8.704.467.016
Doanh thu hoạt động tài chính								366.023.797
Chi phí tài chính								(25.341.353)
Thu nhập khác								273.667.637
Chi phí khác								(2.400.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(2.160.926.902)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								(172.177.372)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>								<b>6.983.312.823</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị sổ sách	
	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.262.856.784	2.461.542.334
Phải thu khách hàng	944.846.401	699.317.000
Các khoản phải thu khác	936.476.700	168.345.800
<b>Cộng</b>	<b>14.144.179.885</b>	<b>3.329.205.134</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả cho người bán	16.829.733.264	2.535.991.756
Chi phí phải trả	67.703.451	43.772.727
Các khoản phải trả khác	286.420.708	310.771.371
<b>Cộng</b>	<b>17.183.857.423</b>	<b>2.890.535.854</b>

**TÀI SẢN ĐẢM BẢO**

***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

***Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác***

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2013.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty không phát sinh các khoản vay do đó ít chịu rủi ro về lãi suất.

***Rủi ro về giá***

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>			
Phải trả người bán	16.829.733.264	-	16.829.733.264
Chi phí phải trả	67.703.451	-	67.703.451
Nợ tài chính khác	286.420.708	-	286.420.708
<b>Cộng</b>	<b>17.183.857.423</b>	<b>-</b>	<b>17.183.857.423</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>			
Phải trả người bán	2.535.991.756	-	2.535.991.756
Chi phí phải trả	43.772.727	-	43.772.727
Nợ tài chính khác	310.771.371	-	310.771.371
<b>Cộng</b>	<b>2.890.535.854</b>	<b>-</b>	<b>2.890.535.854</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 năm VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại 31/12/2013</b>			
Tiền và tương đương tiền	12.262.856.784	-	12.262.856.784
Phải thu khách hàng	944.846.401	-	944.846.401
Tài sản tài chính khác	936.476.700	-	936.476.700
<b>Cộng</b>	<b>14.144.179.885</b>	<b>-</b>	<b>14.144.179.885</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>			
Tiền và tương đương tiền	2.461.542.334	-	2.461.542.334
Phải thu khách hàng	699.317.000	-	699.317.000
Tài sản tài chính khác	168.345.800	-	168.345.800
<b>Cộng</b>	<b>3.329.205.134</b>	<b>-</b>	<b>3.329.205.134</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**30. THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH**

***Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát***

	<b>Năm 2013</b>
Thù lao của Hội đồng Quản trị	39.360.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	684.752.900
Thù lao của ban kiểm soát	15.600.000
<b>Cộng</b>	<b>739.712.900</b>

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán.

\_\_\_\_\_  
**Hồ Minh Tiến**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
*Khánh Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2014*

\_\_\_\_\_  
**Lê Văn Lân**  
**Giám đốc**

\_\_\_\_\_  
**Đỗ Hữu Ánh Liên**  
**Kế toán trưởng**